

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**

Thực hiện Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 123 Luật doanh nghiệp (Luật số 60/2005/QH 11) và Điều 8 Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của bộ Tài chính; Điều 36 của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Vinacomin, Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về kết quả hoạt động của BKS Công ty năm 2013 trước ĐHCD thường niên năm 2014 như sau:

1. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát năm 2013:

Căn cứ công văn số 1841/CV- HDQT ngày 19/3/2008 của Tập đoàn TKV về việc hướng dẫn áp dụng trả phụ cấp cho các thành viên tham gia HDQT, BKS công ty cổ phần hoạt động kiêm nhiệm; đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty, phụ cấp Công ty đã thực hiện chi trả cho các thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2013 của Ban như bảng kê:

Thành viên BKS	Chức danh	Số tiền (Đồng)
Hoàng Văn Kiệt	Trưởng ban	24.987.600
Bùi Thanh Trường	Ủy viên BKS	23.680.800
Vương Ngọc Quảng	Ủy viên KKS	23.680.800
Cộng		72.349.200

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;

Năm 2013 Ban kiểm soát thực hiện các cuộc họp về nội dung chương trình kế hoạch làm việc của Ban từng quý trong năm và nội dung đề cử đơn vị Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013.

Về thực hiện nội dung các cuộc họp Ban đã thực hiện dự họp các cuộc họp của HDQT, dự họp về điều hành công ty, sơ kết tổng kết năm và các chuyên đề khi có điều kiện, định kỳ hàng quý kiểm tra tình hình hoạt động của HDQT và Ban lãnh đạo điều hành thông qua các văn bản cuộc họp và thực hiện triển khai Nghị quyết họp HDQT của Lãnh đạo Công ty, Kết quả hàng quý trong năm đã thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty, với kết quả từng lần làm việc Ban kiểm soát đã gửi kết quả kiểm soát tới từng thành viên của HDQT và Công ty.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;

3.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHCD Công ty năm 2013:



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH Đại hội giao	KH PHKD Đ.chính	Thực hiện năm 2013	% so KHĐH	% so KHĐ C
1	Doanh thu	Tr. đồng	850 000	730 000	901 888	106	124
1.1	Kinh doanh, Du lịch	"	93 000	84 000	82 385	89	98
1.2	Thương mại	"	748 150	636 815	791 627	106	124
1.3	Phục vụ Tập đoàn	"	8 850	9 185	9 307	105	101
2	Giá vốn hàng bán ra	Tr. đồng	770 000	662 000	777 816	101	117
3	Giá trị sản xuất	Tr. đồng	80 000	68 000	105 492	132	155
3.1	Kinh doanh, Du lịch	"	17 000	15 500	16 917	100	109
3.2	Thương mại	"	54 150	43 315	79 268	146	183
3.3	Phục vụ Tập đoàn	"	8 850	9 185	9 307	105	101
4	Giá trị gia tăng	"	37 853	35 652	42 632	113	120
*	Lợi nhuận	Tr. đồng	8 000	6 500	10 050	126	155
5	Cổ tức	%	12	12	12	100	100
6	Đầu tư XDCB	Tr. đồng	1 010	2 283	1.911	189	84
	Từ nguồn vốn đầu tư Công ty		660	1 933	1.598	242	83
	Từ n.vốn hỗ trợ quỹ MTTT TKV		350	350	313	89	89

3.2 Kết quả hoạt động về Tài chính Công ty:

Căn cứ báo cáo quyết toán tài chính năm 2013, báo cáo đã được kiểm toán tại biên bản ngày 10/3/2014 của Công ty kiểm toán và tư vấn tài chính BDO về báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 của Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin;

Năm 2013 HĐQT chỉ đạo và kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các nguồn vốn trong hoạt động đầu tư cũng như kinh doanh của Công ty thông qua kế hoạch, Nghị quyết của HĐQT. Đối với những hợp đồng kinh doanh hoặc các khoản vay vốn vượt quá 50% tổng giá trị tài sản của Công ty, Công ty đều thực hiện cân nhắc theo đúng quy định hiện hành của pháp luật nhà nước và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trước khi thông qua Nghị quyết triển khai thực hiện.

Trong năm 2013, theo kết quả kiểm tra quyết toán thuế 5 năm (2008-2012) của Cục thuế Hà nội, Công ty phải nộp bổ sung 2.574 triệu đồng tiền thuế cho các năm từ 2008 - 2012. Số tiền thuế này được hạch toán vào chi phí của Công ty năm 2013 nhưng không ảnh hưởng nhiều đến kết quả SXKD. Công ty kiểm soát được tình hình tài chính lành mạnh, nguồn vốn được đảm bảo phục vụ kinh doanh và đầu tư; bảo toàn và phát triển vốn của các Cổ đông giao cho, Kết quả hoạt động tài chính như bảng số liệu sau:

* Bảng số liệu tài chính đến 31/12/2013:

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	289 328 307 464	215 881 730 707

I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110	66 703 419 245	38 343 522 470
1. Tiền	111	12 703 419 245	9 297 676 850
2. Các khoản tương đương tiền	112	54 000 000 000	29 045 845 620
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120		
1. Đầu tư ngắn hạn	121		
2. Dự phòng giảm giá đầu tư NH (*) (2)	129		
III - Các khoản phải thu	130	145 578 717 548	106 869 226 435
1. Phải thu khách hàng	131	143 509 191 894	64 767 119 818
2. Trả trước cho người bán	132	1 238 553 262	41 670 614 901
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ KHHĐ xây dựng	134		
5. Các khoản phải thu khác	135	2 362 217 926	744 308 850
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	- 1 531 245 534	- 312 817 134
IV- Hàng tồn kho	140	71 832 150 635	64 327 610 511
1. Hàng tồn kho	141	71 832 150 635	64 327 610 511
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		
V - Tài sản ngắn hạn khác	150	5 214 020 036	6 341 371 291
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	37 490 841	717 415 169
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	3 420 420 816	5 561 736 872
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	1 632 132 753	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	123 975 626	62 219 250
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	34 973 435 485	36 635 209 547
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
II. Tài sản cố định	220	10 927 338 063	11 584 375 376
1. TSCĐ hữu hình	221	10 755 896 422	11 434 985 156
- Nguyên giá	222	28 907 136 506	28 496 414 779
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	- 18 151 240 084	- 17 061 429 623
2. TSCĐ thuê tài chính	224		
3. TSCĐ vô hình	227	171 441 641	132 472 220
- Nguyên giá	228	554 050 000	454 825 000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	- 382 608 359	- 322 352 780
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		16 918 000
III. Bất động sản đầu tư	240		
IV. Các khoản đầu tư TC dài hạn	250		
V. Tài sản dài hạn khác	260	24 046 097 422	25 050 834 171
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	23 790 974 437	24 796 297 618
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Tài sản dài hạn khác	268	255 122 985	254 536 553
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	324 301 742 949	252 516 940 254

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300	284 264 165 530	214 108 842 785
I - Nợ ngắn hạn	310	273 885 448 117	201 509 795 472
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	54 372 907 507	53 188 711 138
2. Phải trả người bán	312	171 487 084 549	40 350 218 797
3. Người mua trả tiền trước	313	31 461 380	60 560 966 756
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	314	4 337 472 910	3 503 651 299
5. Phải trả người lao động	315	10 218 421 223	10 528 652 802
6. Chi phí phải trả	316	453 354 949	1 707 102 791
7. Phải trả nội bộ	317	8 904 684 200	7 316 587 400
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	2 016 205 135	2 849 189 919

10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	15 089 921 278	16 863 968 982
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	6 973 934 986	4 640 745 588
II - Nợ dài hạn	330	10 378 717 413	12 599 047 313
4. Vay và nợ dài hạn	334	10 378 717 413	12 522 767 550
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		76 279 763
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (410+430)	400	40 037 577 419	38 408 097 469
I. Vốn Chủ sở hữu	410	39 753 133 447	38 408 097 469
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19 497 970 000	19 497 970 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	1 949 797 000	1 949 797 000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	16 107 440 194	14 717 482 035
8. Quỹ dự phòng tài chính(415)	418	2 108 425 374	2 108 425 374
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	89 500 879	134 423 060
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	284 443 972	
2. Nguồn kinh phí (461)	432		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	284 443 972	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	324 301 742 949	252 516 940 254

* Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động về tài chính của Công ty:

TT	Chỉ tiêu	KH Đại hội	TH Năm trước	TH Năm nay	So sánh %	
					KH Đại hội	Cùng kỳ năm trước
1	Lợi nhuận trước thuế thực hiện (Trđ)	8.000	10.601	10.050	125,60	94,80
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế thực hiện/ vốn đầu tư CSH (%)	41,03	54,37	51,55	125,60	94,80
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế thực hiện/ vốn CSH (%)	22,65	30,98	28,23	124,60	91,10
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện/ vốn CSH (%)			17,44		
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện/ Tổng T.Sản (%)			2,14		
6	Nợ phải trả/ Vốn CSH (Lần)		6,26	7,16		127,50
7	Khả năng thanh toán đến hạn (lần)			1,05		
8	Hệ số bảo toàn và phát triển vốn (Lần)	1,03	1,05	1,04	101,7	99,30

Công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước, mặc dù qua biên bản quyết toán thuế từ năm 2008 đến hết năm 2012 Công ty đã có vi phạm chính sách thuế như biên bản thuế đã nêu, thu nhập của người lao động được đảm bảo, tỷ lệ phân phối cổ tức của cổ đông đảm bảo đúng với tinh thần Đại hội đồng cổ đông.

4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;

Ban kiểm soát thường xuyên thực hiện vai trò giám sát đối với hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty, ban lãnh đạo điều hành Công ty và các chức danh quản lý khác trong Công ty thông qua các Quy chế quản lý nội bộ, các báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh - đầu tư - quản lý tiền lương, lao động - quản trị chi phí - quyết toán tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm, các nghị quyết, quyết định sắp xếp tổ chức - nhân sự... ; thông qua các tài liệu của các cơ quan quản lý nhà nước, kiểm toán báo cáo tài chính của tổ chức kiểm toán độc lập hàng năm; Qua quá trình giám sát đánh giá nhận xét cụ thể:

- Năm 2013 là một năm khó khăn đối với Tập đoàn nói chung và Công ty. Tuy nhiên, Lãnh đạo Công ty rất quyết liệt trong chỉ đạo - điều hành, kịp thời đưa ra nhiều giải pháp phù hợp với thực tế khó khăn, nỗ lực cùng người lao động trong Công ty. Do đó kết thúc năm, mọi chỉ tiêu trong kế hoạch thông qua tại ĐHCD thường niên của năm 2013 đều đó được hoàn thành.

- Giám đốc và tập thể lãnh Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, với tinh thần trách nhiệm cao, lắng nghe, đi sâu đi sát trong công tác quản lý và đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, mang lại hiệu quả rõ rệt trong quá trình chỉ đạo điều hành chung. Luôn quan tâm, chăm lo đến đời sống, tâm tư nguyện vọng của người lao động.

- Bên cạnh việc triển khai kế hoạch SXKD, quản lý, quản trị các hoạt động trong năm 2013, Ban lãnh đạo điều hành còn có sự quan tâm, đổi mới từ các phòng ban chuyên môn trong mọi mặt công tác nhân sự, điều hành kế hoạch, thị trường, đầu tư theo thực tế hoàn cảnh của Công ty và xã hội, tuyển dụng và đào tạo bổ sung đội ngũ nhân viên kinh doanh tại văn phòng Công ty và các chi nhánh một cách linh hoạt; tăng cường nhân viên kinh doanh thương mại vào khu vực cần thiết phục vụ cho kinh doanh của Công ty; Những động thái này đã bước đầu phát huy tác dụng đối với hoạt động SXKD như kết quả năm 2013 Công ty đã thực hiện được các chỉ tiêu mà Nghị quyết ĐHCD Công ty đặt ra và tạo tiền đề phục vụ chiến lược phát triển lâu dài của Công ty

5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông:

Trong năm 2013, Giám đốc công ty đã trình HĐQT công ty; HĐQT đã ra quyết định sửa đổi, bổ sung và ban hành mới 05 Quy chế điều chỉnh công tác tiền

lương, thi đua khen thưởng, quản lý cán bộ, nâng ngạch bậc lương, thực hiện dân chủ cơ sở... phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và cơ chế quản lý, cũng như điều kiện SXKD mới của Công ty, tạo ra hành lang pháp lý thống nhất trong việc quản trị, điều hành các lĩnh vực hoạt động liên quan của toàn Công ty.

Về quy trình làm việc: HĐQT luôn thực hiện nguyên tắc “Theo chế độ tập thể”. Các vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý, chỉ đạo hoặc giám sát của HĐQT đều được từng thành viên chủ động nghiên cứu, thảo luận để đi đến thống nhất và quyết định thực hiện.

Qua báo cáo của giám đốc Công ty, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp trực tiếp và nhiều lần xin ý kiến bằng văn bản để thống nhất thông qua 26 Nghị quyết, ban hành 56 văn bản, quyết định các loại để triển khai các lĩnh vực hoạt động của Công ty và thực hiện vai trò quản lý, chỉ đạo, giám sát theo quy định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Mọi văn bản từ tờ trình, báo cáo, quyết định của giám đốc cũng như của HĐQT Công ty đều được gửi tới các thành viên của Ban kiểm soát Công ty; mọi cuộc họp liên quan đến HĐQT và Ban giám đốc về điều hành hàng quý hoặc theo chuyên đề, Ban kiểm soát đều được mời tham dự hoặc được nhận kết quả qua báo cáo; từ những mối quan hệ trong quá trình làm việc, dự các cuộc họp và thông qua các báo cáo Nghị quyết HĐQT, của giám đốc Công ty đã tạo điều kiện cho các thành viên Ban kiểm soát nắm bắt kịp thời tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ Công ty năm 2013.

Từ kết quả trên trong năm, Ban kiểm soát đã có điều kiện thực hiện kiểm tra thường xuyên: hoạt động quản lý của HĐQT và Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thẩm định báo cáo tài chính năm 2013; công nợ; tình hình thực hiện kế hoạch; tính tuân thủ pháp luật trong hoạt động quản lý của Công ty, như tài liệu Ban kiểm soát báo cáo trước ĐHCĐ Công ty.

6. Những tồn tại cần được quan tâm giải quyết:

+ Đề nghị Công ty tổ chức thu hồi các công nợ phải thu khó đòi đã được nêu biên bản Ban Kiểm soát từ năm 2012 và từ những năm trước là: Công ty cổ phần Bình Nguyên, Doanh nghiệp tư nhân Linh Đức và Công nợ khó đòi phát sinh trong năm 2013 của Công ty Cromit Cổ định với giá 3.674 triệu đồng.

Công ty chưa có biện pháp cụ thể để giải quyết thu hồi số nợ khó đòi trên; đồng thời cần có biện pháp tích cực thu hồi nợ trong cùng Tập đoàn đối với Công ty Cromit Cổ định.

Trên đây là những nội dung chủ yếu Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động quản lý của HĐQT và Giám đốc và kinh doanh trong năm 2013 như quy định tại Điều 8. quy định báo cáo hoạt động của BKS ban hành tại Thông tư 121/2012/TT – BTC quy định quản trị công ty đại chúng ;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và thương mại – Vinacomin xin kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (để bc)
- Các thành viên HĐQT.
- Công ty CP Du lịch & TM.
- Các thành viên BKS
- Lưu thư ký HĐQT.

